

Số: *169* /2014/TT-BQP

Hà Nội, ngày *M* tháng 12 năm 2014

THÔNG TƯ

**Hướng dẫn công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật
thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Quốc phòng**

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2008;

Căn cứ Nghị định số 59/2012/NĐ-CP ngày 23 tháng 7 năm 2012 của Chính phủ về theo dõi tình hình thi hành pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 35/2013/NĐ-CP ngày 22 tháng 4 năm 2013 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Quốc phòng;

Xét đề nghị của Vụ trưởng Vụ Pháp chế,

Bộ trưởng Bộ Quốc phòng ban hành Thông tư hướng dẫn công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Quốc phòng.

Chương I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này hướng dẫn nội dung, phương pháp xem xét, đánh giá hoạt động theo dõi tình hình thi hành pháp luật; chế độ báo cáo, trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc trách nhiệm quản lý nhà nước của Bộ Quốc phòng (sau đây gọi chung là cơ quan, đơn vị) trong công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Quốc phòng.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Thông tư này áp dụng đối với cơ quan, đơn vị và cá nhân có liên quan đến công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Quốc phòng.

Điều 3. Nguyên tắc theo dõi tình hình thi hành pháp luật

Nguyên tắc theo dõi tình hình thi hành pháp luật thực hiện theo quy định tại Điều 4 Nghị định số 59/2012/NĐ-CP ngày 23 tháng 7 năm 2012 của Chính phủ về theo dõi tình hình thi hành pháp luật (sau đây gọi tắt là Nghị định số 59/2012/NĐ-CP của Chính phủ) và các nội dung sau:

1. Phản ánh chính xác về nội dung, tính chất và tình hình thi hành pháp

luật của các cơ quan, đơn vị.

2. Xác định nội dung trọng tâm, trọng điểm.

3. Kết hợp theo dõi tình hình thi hành pháp luật về ngành, lĩnh vực với việc theo dõi tình hình thi hành pháp luật ở phạm vi từng cơ quan, đơn vị.

4. Bảo đảm sự phối hợp chặt chẽ giữa cơ quan chủ trì và cơ quan, đơn vị có liên quan.

Điều 4. Nội dung theo dõi tình hình thi hành pháp luật

Nội dung theo dõi tình hình thi hành pháp luật thuộc phạm vi quản lý của Bộ Quốc phòng thực hiện theo quy định tại Điều 7 Nghị định số 59/2012/NĐ-CP của Chính phủ, trên cơ sở xem xét, đánh giá các nội dung sau:

1. Tình hình ban hành văn bản quy định chi tiết thi hành văn bản quy phạm pháp luật như: Tính kịp thời, sự đầy đủ của việc ban hành văn bản quy định chi tiết; tính thống nhất, đồng bộ của văn bản; tính khả thi của văn bản.

2. Tình hình bảo đảm các điều kiện cho thi hành pháp luật: Tính kịp thời, đầy đủ, sự phù hợp, hiệu quả của hoạt động tập huấn, phổ biến giáo dục pháp luật; sự phù hợp của tổ chức bộ máy; mức độ đáp ứng về nguồn nhân lực cho thi hành pháp luật; mức độ đáp ứng về kinh phí, cơ sở vật chất bảo đảm cho thi hành pháp luật.

3. Tình hình tuân thủ pháp luật: Tính kịp thời, đầy đủ trong thi hành pháp luật của cơ quan nhà nước và người có thẩm quyền; tính chính xác, sự thống nhất trong hướng dẫn áp dụng pháp luật và trong áp dụng pháp luật của cơ quan nhà nước và người có thẩm quyền; mức độ tuân thủ pháp luật của cơ quan, tổ chức, cá nhân.

Điều 5. Tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động theo dõi tình hình thi hành pháp luật thuộc phạm vi quản lý của Bộ Quốc phòng

1. Tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp và các tổ chức xã hội khác tham gia hoạt động theo dõi tình hình thi hành pháp luật thuộc phạm vi quản lý của Bộ Quốc phòng thông qua các hình thức sau đây:

a) Gửi văn bản hoặc thông qua Cổng Thông tin điện tử của Bộ Quốc phòng phản ánh ý kiến về tình hình thi hành pháp luật, kiến nghị các giải pháp nâng cao hiệu quả thi hành pháp luật và hoàn thiện hệ thống pháp luật thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Quốc phòng đến các cơ quan, đơn vị của Bộ Quốc phòng;

b) Cử đại diện tham gia các hoạt động theo dõi tình hình thi hành pháp luật theo đề nghị của Bộ Quốc phòng.

2. Cá nhân tham gia hoạt động theo dõi tình hình thi hành pháp luật bằng các hình thức trực tiếp đến Phòng tiếp công dân của các cơ quan, đơn vị; gửi ý kiến bằng văn bản hoặc thông qua các phương tiện thông tin đại chúng để phản ánh, cung cấp thông tin về tình hình thi hành pháp luật.

3. Các cơ quan, đơn vị có trách nhiệm tạo điều kiện, khuyến khích sự tham gia của các tổ chức, cá nhân và tổ chức tiếp nhận, thu thập thông tin của tổ chức, cá nhân trong hoạt động theo dõi tình hình thi hành pháp luật thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Quốc phòng.

4. Cộng tác viên theo dõi thi hành pháp luật

a) Cộng tác viên được huy động để tham gia hoạt động thu thập, tổng hợp thông tin; điều tra, khảo sát; tham gia ý kiến về xử lý kết quả theo dõi tình hình thi hành pháp luật;

b) Căn cứ điều kiện cụ thể và yêu cầu của công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Quốc phòng, Vụ Pháp chế Bộ Quốc phòng chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan tham mưu, giúp Bộ trưởng Bộ Quốc phòng huy động các tổ chức, cá nhân có đủ điều kiện tham gia hoạt động theo dõi tình hình thi hành pháp luật.

c) Cộng tác viên theo dõi tình hình thi hành pháp luật thực hiện theo chế độ hợp đồng có thời hạn hoặc theo từng vụ việc cụ thể.

Chương II **PHƯƠNG PHÁP XEM XÉT, ĐÁNH GIÁ** **TÌNH HÌNH THI HÀNH PHÁP LUẬT**

Điều 6. Xem xét, đánh giá về tính kịp thời, đầy đủ của việc ban hành văn bản quy định chi tiết thi hành văn bản quy phạm pháp luật thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Quốc phòng

1. Cơ sở đánh giá

a) Trên cơ sở kết quả rà soát luật, nghị quyết của Quốc hội, pháp lệnh, nghị quyết của Ủy ban thường vụ Quốc hội, lệnh, quyết định của Chủ tịch nước, nghị định của Chính phủ, quyết định của Thủ tướng Chính phủ (sau đây gọi là văn bản được quy định chi tiết), hoàn thành việc xác định nội dung văn bản được quy định chi tiết giao Bộ Quốc phòng chủ trì soạn thảo hoặc Bộ trưởng Bộ Quốc phòng ban hành theo thẩm quyền;

b) Lập Danh mục văn bản quy định chi tiết, gồm: Nghị định của Chính phủ, quyết định của Thủ tướng Chính phủ, thông tư, thông tư liên tịch do Bộ Quốc phòng chủ trì soạn thảo hoặc Bộ trưởng Bộ Quốc phòng ban hành theo thẩm quyền (sau đây gọi là văn bản quy định chi tiết). Danh mục văn bản quy định chi tiết luật, nghị quyết của Quốc hội, pháp lệnh, nghị quyết của Ủy ban thường vụ Quốc hội, lệnh, quyết định của Chủ tịch nước báo cáo Bộ trưởng Bộ Quốc phòng gửi Bộ Tư pháp trong thời hạn chậm nhất là 15 ngày làm việc, kể từ ngày ban hành văn bản được quy định chi tiết. Danh mục văn bản quy định chi tiết nghị định của Chính phủ, quyết định của Thủ tướng Chính phủ trình Bộ trưởng Bộ Quốc phòng ban hành trong thời hạn chậm nhất là 05 ngày làm việc,

kể từ ngày ban hành văn bản được quy định chi tiết;

c) Xây dựng, trình Bộ trưởng Bộ Quốc phòng ban hành kế hoạch, phân công cơ quan, đơn vị chủ trì, cơ quan, đơn vị phối hợp soạn thảo văn bản quy định chi tiết trong thời hạn chậm nhất là 15 ngày làm việc, kể từ ngày Danh mục văn bản quy định chi tiết được ban hành;

d) Cơ quan, đơn vị được giao chủ trì soạn thảo văn bản quy định chi tiết phải triển khai thực hiện đúng tiến độ đã được phê duyệt và quy định đầy đủ nội dung được giao quy định chi tiết đã được xác định trong Danh mục văn bản quy định chi tiết.

2. Căn cứ các nội dung quy định tại Khoản 1 Điều này, Vụ Pháp chế Bộ Quốc phòng; Phòng Pháp chế, Ban Pháp chế, cán bộ pháp chế cơ quan, đơn vị hoặc cơ quan, cán bộ được phân công làm công tác pháp chế (sau đây gọi tắt là Tổ chức pháp chế cơ quan, đơn vị) chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan tham mưu, giúp Bộ trưởng Bộ Quốc phòng, Thủ trưởng cơ quan, đơn vị thực hiện các nội dung sau:

a) Đánh giá tính kịp thời, đầy đủ của việc rà soát, lập dự kiến danh mục, việc ban hành kế hoạch xây dựng văn bản quy định chi tiết do Bộ trưởng Bộ Quốc phòng ban hành hoặc trình cơ quan có thẩm quyền ban hành;

b) Đánh giá tính đầy đủ của văn bản quy định chi tiết so với số nội dung được giao quy định chi tiết tại văn bản được quy định chi tiết;

c) Đánh giá tiến độ soạn thảo và trình ban hành văn bản quy định chi tiết trên cơ sở so sánh với thời điểm dự kiến cần phải trình ban hành theo kế hoạch;

d) Theo dõi, đôn đốc, kiểm tra các cơ quan, đơn vị và tham mưu giúp Bộ trưởng Bộ Quốc phòng, Thủ trưởng cơ quan, đơn vị chỉ đạo thực hiện các giải pháp nhằm đảm bảo chất lượng, tiến độ xây dựng văn bản quy định chi tiết;

đ) Định kỳ hàng tháng, quý, 06 tháng, năm và theo yêu cầu của Bộ Quốc phòng, Tổ chức pháp chế cơ quan, đơn vị báo cáo về tình hình xây dựng văn bản quy định chi tiết về Bộ Quốc phòng (qua Vụ Pháp chế). Báo cáo nêu rõ tiến độ xây dựng đối với từng văn bản, những khó khăn, vướng mắc, nguyên nhân và đề xuất giải pháp tháo gỡ.

Vụ Pháp chế chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan tổng hợp báo cáo Bộ trưởng Bộ Quốc phòng về tình hình xây dựng văn bản quy định chi tiết của Bộ Quốc phòng, gửi Bộ Tư pháp theo quy định.

Điều 7. Xem xét, đánh giá về tính thống nhất, đồng bộ của văn bản quy định chi tiết thi hành văn bản quy phạm pháp luật thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Quốc phòng

1. Phù hợp với các quy định tại văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan nhà nước cấp trên và của cơ quan nhà nước cùng cấp có thẩm quyền.

2. Phù hợp với chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng, Nhà nước.

3. Xem xét, đánh giá nội dung văn bản

a) Hiệu lực của văn bản: Xác định văn bản còn hiệu lực, văn bản hết hiệu lực toàn bộ hoặc hết hiệu lực một phần theo quy định tại Khoản 1 Điều 12 Nghị định số 16/2013/NĐ-CP ngày 06 tháng 02 năm 2013 của Chính phủ về rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật (sau đây gọi tắt là Nghị định số 16/2013/NĐ-CP của Chính phủ).

b) Căn cứ ban hành văn bản: Xác định các văn bản thay thế, hủy bỏ, bãi bỏ, sửa đổi, bổ sung văn bản là căn cứ ban hành văn bản quy định chi tiết; xác định các văn bản khác mới được ban hành có quy định liên quan đến quy định của văn bản quy định chi tiết.

c) Thẩm quyền ban hành văn bản: Xem xét sự phù hợp về thẩm quyền ban hành văn bản bao gồm thẩm quyền về hình thức và thẩm quyền về nội dung.

d) Nội dung văn bản quy định chi tiết: Xác định những nội dung của văn bản có quy định trái, chồng chéo, mâu thuẫn với quy định của văn bản quy phạm pháp luật cấp trên và văn bản quy phạm pháp luật của Bộ chuyên ngành.

Trường hợp các văn bản có quy định khác nhau về cùng một vấn đề, thì áp dụng quy định của văn bản có hiệu lực pháp lý cao hơn; văn bản do một cơ quan ban hành mà có quy định khác nhau về cùng một vấn đề thì áp dụng văn bản được ban hành sau.

4. Nguồn thông tin cơ bản để đánh giá về tính thống nhất, đồng bộ của văn bản quy định chi tiết, gồm:

a) Thông tin của các cơ quan, đơn vị quy định tại Khoản 5 Điều này;

b) Kết quả của hoạt động kiểm tra, điều tra, khảo sát tình hình thi hành pháp luật;

c) Kết quả của hoạt động hợp nhất văn bản quy phạm pháp luật, pháp điển quy phạm pháp luật, rà soát, kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật, kiểm soát thủ tục hành chính;

d) Phản ánh của các cơ quan, tổ chức, cá nhân, các phương tiện thông tin đại chúng và dư luận xã hội.

5. Căn cứ quy định tại Khoản 3 Điều này, cơ quan, đơn vị có trách nhiệm phát hiện văn bản quy định chi tiết có nội dung không bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ; kiến nghị hình thức xử lý, gửi về Vụ Pháp chế Bộ Quốc phòng để tổng hợp.

6. Trên cơ sở phân tích, tổng hợp các nguồn thông tin được quy định tại Khoản 4 Điều này, Vụ Pháp chế Bộ Quốc phòng lập danh mục các văn bản quy định chi tiết có nội dung không bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ, báo cáo Bộ trưởng Bộ Quốc phòng xem xét sửa đổi, bổ sung theo thẩm quyền hoặc kiến

ngợi các cơ quan có thẩm quyền xem xét, xử lý.

Điều 8. Xem xét, đánh giá tính khả thi của văn bản quy định chi tiết thi hành văn bản quy phạm pháp luật thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Quốc phòng

1. Cơ sở đánh giá

a) Sự phù hợp của các quy định với điều kiện kinh tế - xã hội, trình độ nhận thức của cán bộ, chiến sĩ, công nhân viên quốc phòng, lao động hợp đồng trong cơ quan, đơn vị; với truyền thống văn hóa và phong tục tập quán ở địa phương nơi đóng quân;

b) Sự phù hợp của quy định với điều kiện thực tế, với đặc điểm nhiệm vụ, cơ cấu tổ chức của cơ quan, đơn vị; nguồn nhân lực; nguồn tài chính để thi hành;

c) Sự hợp lý của các biện pháp giải quyết vấn đề và chế tài xử lý;

d) Sự rõ ràng của các quy định về nhiệm vụ, quyền hạn của các cơ quan, đơn vị và trình tự, thủ tục thực hiện phù hợp với yêu cầu cải cách thủ tục hành chính, tránh chồng chéo về chức năng, nhiệm vụ;

đ) Sự rõ ràng, cụ thể của các quy định để hiểu thống nhất, thực hiện đúng, thuận tiện khi áp dụng.

2. Nguồn thông tin cơ bản để đánh giá tính khả thi của văn bản quy định chi tiết

a) Thông tin của các cơ quan, đơn vị quy định tại Khoản 3 Điều này;

b) Thông tin quy định tại các điểm b, c, d Khoản 4 Điều 7 Thông tư này.

3. Căn cứ quy định tại Khoản 1 Điều này, các cơ quan, đơn vị có trách nhiệm phát hiện văn bản quy định chi tiết có nội dung không bảo đảm tính khả thi hoặc có khó khăn, vướng mắc, bất cập trong thực tiễn thi hành, đánh giá nguyên nhân, kiến nghị hình thức xử lý, gửi về Vụ Pháp chế Bộ Quốc phòng để tổng hợp.

4. Trên cơ sở phân tích, tổng hợp, đánh giá các nguồn thông tin được quy định tại Khoản 2 Điều này, Vụ Pháp chế Bộ Quốc phòng lập danh mục các văn bản quy định chi tiết có nội dung không bảo đảm tính khả thi hoặc có khó khăn, vướng mắc, bất cập trong thi hành, báo cáo Bộ trưởng Bộ Quốc phòng xem xét quyết định sửa đổi, bổ sung theo thẩm quyền hoặc kiến nghị các cơ quan có thẩm quyền xem xét, xử lý.

Điều 9. Xem xét, đánh giá tình hình bảo đảm các điều kiện cho thi hành pháp luật thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Quốc phòng

1. Tính kịp thời, sự đầy đủ, phù hợp, hiệu quả của hoạt động tập huấn, phổ biến pháp luật thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Quốc phòng

a) Trách nhiệm của chỉ huy cơ quan, đơn vị trong việc chỉ đạo, triển khai quán triệt, tổ chức thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật và các văn bản chỉ

đạo, hướng dẫn thực hiện của cấp trên và cấp mình;

b) Trách nhiệm của cơ quan chủ trì giúp Bộ quản lý nhà nước trong việc nghiên cứu, đề xuất và thực hiện chương trình xây dựng văn bản quy phạm pháp luật; văn bản chỉ đạo, hướng dẫn thực hiện; triển khai tập huấn, tuyên truyền, kiểm tra việc thực hiện văn bản;

c) Xác định nhu cầu tập huấn, phổ biến pháp luật đối với từng lĩnh vực và đối tượng cụ thể, đối chiếu với các hoạt động, nội dung, hình thức, đối tượng tập huấn, phổ biến pháp luật đã được thực hiện, gồm:

- Số đợt phổ biến, số lượng người được tuyên truyền, hướng dẫn thi hành văn bản quy phạm pháp luật, văn bản hướng dẫn thi hành văn bản quy phạm pháp luật;

- Số liệu về loại văn bản, thời gian, số lượt người được tập huấn, phổ biến pháp luật.

d) Tác động của công tác tập huấn, phổ biến pháp luật đến ý thức tuân thủ và mức độ nâng cao nhận thức pháp luật của các cơ quan, đơn vị và cá nhân sau khi được phổ biến pháp luật;

đ) Cơ quan, đơn vị có trách nhiệm tổng hợp kiến nghị thực hiện các giải pháp nâng cao hiệu quả công tác phổ biến, tập huấn pháp luật gửi về Vụ Pháp chế Bộ Quốc phòng để theo dõi, tổng hợp.

2. Tính phù hợp của tổ chức bộ máy; mức độ đáp ứng về nguồn nhân lực cho thi hành pháp luật thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Quốc phòng

a) Thực trạng về tổ chức bộ máy và đội ngũ cán bộ làm công tác thi hành pháp luật; xác định nhu cầu về tổ chức bộ máy, số lượng, tiêu chuẩn cán bộ đáp ứng yêu cầu của công tác thi hành pháp luật;

b) Số lượng và tỷ lệ cán bộ được đào tạo phù hợp với chức danh trong các cơ quan, đơn vị đáp ứng yêu cầu của công tác thi hành pháp luật;

c) Đối chiếu với tình hình thực tế, đánh giá về sự phù hợp của tổ chức bộ máy, mức độ đáp ứng về nguồn nhân lực;

d) Những khó khăn, vướng mắc trong tổ chức bộ máy và đội ngũ cán bộ thực hiện nhiệm vụ thi hành pháp luật và kiến nghị việc bảo đảm về tổ chức, biên chế và nguồn nhân lực;

đ) Những kiến nghị việc bảo đảm về tổ chức, biên chế và nguồn nhân lực.

3. Mức độ đáp ứng về kinh phí, trang thiết bị và cơ sở vật chất bảo đảm cho thi hành pháp luật

a) Thực trạng bảo đảm, mức độ đáp ứng của việc bảo đảm kinh phí;

b) Xác định nhu cầu về kinh phí, trang thiết bị và cơ sở vật chất đáp ứng yêu cầu của công tác thi hành pháp luật;

c) Những khó khăn, vướng mắc trong quản lý và sử dụng kinh phí bảo đảm cho công tác thi hành pháp luật.

d) Những kiến nghị việc bảo đảm kinh phí, trang thiết bị và cơ sở vật chất đáp ứng yêu cầu của công tác thi hành pháp luật;

4. Vụ Pháp chế Bộ Quốc phòng chủ trì, phối hợp với Cục Cán bộ/TCCT, Cục Tài chính Bộ Quốc phòng tổng hợp, xem xét các kiến nghị được quy định tại Điều này, báo cáo Bộ trưởng Bộ Quốc phòng xem xét, xử lý.

Điều 10. Xem xét, đánh giá về mức độ tuân thủ pháp luật của các cơ quan, đơn vị và cá nhân

1. Tính kịp thời, đầy đủ thi hành pháp luật của cơ quan, đơn vị và người có thẩm quyền

a) Phát hiện, lập danh mục các quy định cụ thể trong văn bản quy phạm pháp luật chưa được cơ quan nhà nước và người có thẩm quyền thi hành kịp thời, đầy đủ, hướng dẫn chưa chính xác hoặc thiếu thống nhất;

b) Số lượng các quyết định áp dụng pháp luật do cơ quan nhà nước và người có thẩm quyền ban hành có vi phạm về trình tự, thủ tục, thẩm quyền, không bảo đảm tính chính xác;

c) Số lượng các vi phạm pháp luật phổ biến trong từng lĩnh vực cụ thể.

2. Tính chính xác, thống nhất trong hướng dẫn áp dụng pháp luật của cơ quan, đơn vị và người có thẩm quyền.

a) Số vụ khiếu nại do cơ quan, người có thẩm quyền áp dụng pháp luật không đúng;

b) Số vụ khiếu nại về việc áp dụng pháp luật dẫn tới vi phạm quyền, tự do cá nhân;

c) Số quyết định hành chính áp dụng pháp luật đã ban hành vi phạm về trình tự, thủ tục, thẩm quyền;

d) Số quyết định hành chính áp dụng pháp luật đã ban hành không bảo đảm tính chính xác, ảnh hưởng đến quyền, lợi ích hợp pháp của các cơ quan, tổ chức và cá nhân, gây bức xúc trong cơ quan, đơn vị và xã hội.

3. Mức độ tuân thủ pháp luật của cơ quan, đơn vị và cá nhân

a) Tình hình chung về việc tuân thủ pháp luật của các cơ quan, đơn vị, cá nhân;

b) Số vụ việc đã giải quyết kịp thời;

c) Số vụ việc đã giải quyết nhưng bị khiếu nại;

d) Số vụ việc vi phạm theo loại và mức độ vi phạm;

đ) Số vụ việc tham nhũng đã được phát hiện;

e) Số liệu các trường hợp vi phạm pháp luật do không hiểu biết pháp luật;

g) Nguyên nhân của tình trạng không tuân thủ hoặc mức độ tuân thủ các quy định của pháp luật không cao.

4. Kiến nghị của các cơ quan, đơn vị

a) Các biện pháp để kịp thời tổ chức thi hành văn bản pháp luật đã có hiệu lực;

b) Xử lý các vi phạm nhằm bảo đảm tính chính xác, thống nhất trong hướng dẫn và áp dụng pháp luật; sửa đổi, bổ sung, ban hành mới các văn bản quy phạm pháp luật;

c) Thực hiện các biện pháp khác nhằm nâng cao hiệu quả thi hành pháp luật và hoàn thiện hệ thống pháp luật;

d) Cơ quan, đơn vị có trách nhiệm tổng hợp các kiến nghị tại các Điểm a, b, c Khoản này, gửi Vụ pháp chế Bộ Quốc phòng tổng hợp.

5. Vụ Pháp chế phân tích, xem xét, tổng hợp kiến nghị của các cơ quan, đơn vị quy định tại Khoản 4 Điều này, báo cáo Bộ trưởng Bộ Quốc phòng để xem xét, xử lý theo thẩm quyền hoặc kiến nghị cơ quan nhà nước có thẩm quyền xem xét, xử lý.

Chương III

HOẠT ĐỘNG THEO DÕI TÌNH HÌNH THI HÀNH PHÁP LUẬT THUỘC PHẠM VI QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC CỦA BỘ QUỐC PHÒNG

Điều 11. Xây dựng kế hoạch theo dõi tình hình thi hành pháp luật

1. Trước ngày 05 tháng 10 hàng năm, căn cứ Nghị quyết của Chính phủ về những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu chỉ đạo điều hành thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán Ngân sách nhà nước hàng năm và thực tiễn thi hành pháp luật thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Quốc phòng tại cơ quan, đơn vị, các cơ quan, đơn vị đề xuất nội dung, lĩnh vực trọng tâm theo dõi tình hình thi hành pháp luật gửi về Bộ Quốc phòng (qua Vụ Pháp chế) để tổng hợp; Vụ Pháp chế Bộ Quốc phòng chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan xây dựng Quyết định ban hành kế hoạch theo dõi tình hình thi hành pháp luật của Bộ Quốc phòng trình Bộ trưởng Bộ Quốc phòng xem xét, quyết định.

Kế hoạch theo dõi tình hình thi hành pháp luật của Bộ Quốc phòng xác định lĩnh vực trọng tâm theo dõi tình hình thi hành pháp luật, đảm bảo đồng bộ với lĩnh vực kiểm soát thủ tục hành chính và kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Quốc phòng trong năm.

2. Kế hoạch theo dõi tình hình thi hành pháp luật của Bộ Quốc phòng gồm các nội dung sau:

a) Mục đích, yêu cầu;

- b) Nội dung theo dõi tình hình thi hành pháp luật;
- c) Thành phần;
- d) Thời gian;
- đ) Công tác bảo đảm;
- e) Tổ chức thực hiện.

3. Căn cứ kế hoạch theo dõi tình hình thi hành pháp luật của Bộ Quốc phòng và chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao, Thủ trưởng cơ quan, đơn vị chỉ đạo Tổ chức pháp chế cơ quan, đơn vị mình chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan xây dựng kế hoạch theo dõi tình hình thi hành pháp luật của cơ quan, đơn vị trình thủ trưởng cơ quan, đơn vị ban hành, triển khai thực hiện và gửi về Bộ Quốc phòng (qua Vụ Pháp chế) để phối hợp, theo dõi, tổng hợp.

Điều 12. Tiếp nhận và xử lý thông tin về tình hình thi hành pháp luật

1. Thông tin về tình hình thi hành pháp luật thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Quốc phòng được thu thập từ báo cáo của các cơ quan, đơn vị theo quy định tại Chương V Thông tư này, gồm:

a) Số lượng, hình thức và tên văn bản quy định chi tiết thi hành văn bản quy phạm pháp luật; số lượng, hình thức và tên văn bản ban hành chậm tiến độ và lý do chậm tiến độ; số lượng văn bản không thống nhất, không đồng bộ và tính khả thi không cao;

b) Nội dung, hình thức tập huấn, phổ biến văn bản quy phạm pháp luật đã thực hiện; thực trạng về tổ chức bộ máy, nguồn nhân lực, các điều kiện về kinh phí và cơ sở vật chất bảo đảm cho thi hành pháp luật;

c) Tình hình hướng dẫn, áp dụng pháp luật của cơ quan, đơn vị và người có thẩm quyền;

d) Tình hình xử lý vi phạm pháp luật.

2. Thông tin về tình hình thi hành pháp luật thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Quốc phòng được thu thập trên các phương tiện thông tin đại chúng và thông tin do cơ quan, tổ chức, cá nhân cung cấp

a) Tổ chức, cá nhân có thể cung cấp thông tin về tình hình thi hành pháp luật thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Quốc phòng bằng văn bản hoặc trực tiếp tại trụ sở tiếp công dân hoặc qua Trang thông tin điện tử của Bộ Quốc phòng;

b) Thông tin được đăng tải trên các phương tiện thông tin đại chúng và thông tin do tổ chức, cá nhân cung cấp phải được kiểm tra, đối chiếu tính xác thực trước khi sử dụng để đánh giá tình hình thi hành pháp luật;

3. Thủ trưởng cơ quan, đơn vị có trách nhiệm tiếp nhận thông tin về tình hình thi hành pháp luật. Việc thu thập thông tin phải bảo đảm các quy định của pháp luật về thu thập và bảo mật thông tin.

4. Vụ Pháp chế Bộ Quốc phòng, Tổ chức pháp chế cơ quan, đơn vị chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị, tổ chức cá nhân có liên quan giúp Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan, đơn vị kiểm tra, đối chiếu tính xác thực của thông tin. Thông tin về tình hình thi hành pháp luật được sử dụng làm căn cứ để tiến hành kiểm tra, điều tra, khảo sát về tình hình thi hành pháp luật theo quy định tại Điều 12, Điều 13 Nghị định số 59/2012/NĐ-CP của Chính phủ và Điều 13, Điều 14 Thông tư này hoặc xử lý kết quả theo dõi tình hình thi hành pháp luật theo quy định tại Điều 14 Nghị định số 59/2012/NĐ-CP của Chính phủ, Điều 15 Thông tư này.

Điều 13. Kiểm tra tình hình thi hành pháp luật

1. Kiểm tra tình hình thi hành pháp luật được thực hiện theo kế hoạch theo dõi tình hình thi hành pháp luật của Bộ Quốc phòng, của cơ quan, đơn vị hoặc khi có những khó khăn, vướng mắc, bất cập trong thực tiễn thi hành hoặc theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

2. Nội dung kiểm tra tình hình thi hành pháp luật thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Quốc phòng được thực hiện theo quy định tại Điều 7, 8, 9, 10 Nghị định số 59/2012/NĐ-CP của Chính phủ và Điều 6, 7, 8, 9, 10 Thông tư này, trong đó tập trung kiểm tra tình hình tuân thủ pháp luật quy định tại Điều 10 Thông tư này; đồng thời, gắn với kiểm tra thực hiện nội dung trọng tâm trong lĩnh vực kiểm soát thủ tục hành chính và kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật đã được xác định trong kế hoạch năm của Bộ Quốc phòng, của cơ quan, đơn vị.

3. Thành lập đoàn kiểm tra

a) Vụ Pháp chế chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan tham mưu, đề xuất giúp Bộ trưởng Bộ Quốc phòng thành lập đoàn kiểm tra liên ngành về tình hình thi hành pháp luật trong các lĩnh vực liên quan đến chức năng, nhiệm vụ của nhiều cơ quan, đơn vị, có nhiều khó khăn, vướng mắc, bất cập trong thực tiễn thi hành pháp luật;

b) Căn cứ kế hoạch theo dõi tình hình thi hành pháp luật của cơ quan, đơn vị, Tổ chức pháp chế tham mưu, đề xuất giúp Thủ trưởng cơ quan, đơn vị thành lập đoàn kiểm tra để thực hiện kiểm tra, đánh giá kết quả thi hành pháp luật trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ được giao;

c) Quyết định thành lập đoàn kiểm tra nêu rõ mục đích, yêu cầu, nội dung, kế hoạch làm việc, thành phần đoàn kiểm tra và thành phần cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân là đối tượng được kiểm tra. Quyết định thành lập đoàn kiểm tra được thông báo cho đối tượng kiểm tra chậm nhất là 07 ngày làm việc, trước ngày bắt đầu tiến hành kiểm tra.

4. Trình tự, thủ tục kiểm tra

a) Thực hiện theo quy định về kiểm tra hành chính;

b) Thủ trưởng cơ quan, tổ chức, đơn vị là đối tượng chịu sự kiểm tra báo cáo bằng văn bản, cung cấp thông tin, tài liệu có liên quan đến nội dung kiểm

tra; giải trình những vấn đề thuộc nội dung kiểm tra;

c) Đoàn kiểm tra hoặc người có thẩm quyền kiểm tra xem xét, xác minh, kết luận về những vấn đề thuộc nội dung kiểm tra;

d) Tổ chức phúc tra nội dung đoàn kiểm tra và người có thẩm quyền kiểm tra kiến nghị cơ quan, đơn vị (nếu có).

5. Xử lý kiến nghị kiểm tra

a) Quá trình kiểm tra, trường hợp phát hiện những thông tin cần xử lý theo quy định tại Điều 14 Nghị định số 59/2012/NĐ-CP của Chính phủ, đoàn kiểm tra và cá nhân có thẩm quyền kiểm tra kiến nghị đối với cơ quan, tổ chức, đơn vị và cá nhân có thẩm quyền áp dụng các biện pháp cần thiết để xử lý nội dung kiến nghị của đoàn kiểm tra và người có thẩm quyền kiểm tra.

b) Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được kiến nghị xử lý kết quả kiểm tra, cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân có thẩm quyền xử lý kiến nghị, thông báo về kết quả xử lý kiến nghị của đoàn kiểm tra cho người ra quyết định kiểm tra.

c) Trường hợp không nhất trí với kết quả xử lý hoặc không nhận được kết quả xử lý, người ra quyết định kiểm tra gửi kiến nghị xử lý đến cấp trên trực tiếp của cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân có thẩm quyền xử lý kết quả kiểm tra.

8. Trong thời hạn 15 ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc việc kiểm tra, đoàn kiểm tra phải báo cáo người ra quyết định kiểm tra về kết quả kiểm tra.

Điều 14. Điều tra, khảo sát tình hình thi hành pháp luật

1. Điều tra, khảo sát tình hình thi hành pháp luật thực hiện theo kế hoạch theo dõi tình hình thi hành pháp luật của Bộ Quốc phòng, của cơ quan, đơn vị hoặc khi có những khó khăn, vướng mắc, bất cập trong thi hành hoặc theo đề xuất của cơ quan nhà nước có thẩm quyền, trong đó xác định mục đích, đối tượng, nội dung, đơn vị, thời gian, cách thức thực hiện điều tra, khảo sát.

2. Nội dung điều tra, khảo sát tình hình thi hành pháp luật được thực hiện theo quy định tại Điều 7, 8, 9, 10 Nghị định số 59/2012/NĐ-CP của Chính phủ và Điều 6, 7, 8, 9, 10 Thông tư này.

3. Đối tượng điều tra, khảo sát, gồm:

a) Sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp, hạ sĩ quan, binh sĩ, công nhân viên chức quốc phòng, người lao động liên quan trực tiếp đến việc tổ chức thi hành pháp luật trong lĩnh vực được lựa chọn điều tra, khảo sát;

b) Cơ quan, tổ chức, đơn vị và cá nhân là đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của văn bản pháp luật được lựa chọn điều tra, khảo sát;

c) Các chuyên gia, nhà khoa học có am hiểu về lĩnh vực được lựa chọn điều tra, khảo sát.

4. Điều tra, khảo sát thực hiện thông qua phiếu khảo sát, tọa đàm, phỏng

vấn trực tiếp và các hình thức phù hợp khác.

Các hình thức điều tra, khảo sát có thể thực hiện độc lập hoặc thực hiện kết hợp, lồng ghép với các hoạt động khác.

5. Điều tra, khảo sát thông qua phiếu khảo sát thực hiện như sau:

a) Phiếu khảo sát được thiết kế thành các câu hỏi cụ thể, các phương án trả lời hoặc ý kiến của đối tượng được khảo sát. Nội dung các câu hỏi phải rõ ràng, khách quan, dễ hiểu, dễ trả lời, thể hiện đầy đủ các vấn đề thuộc nội dung điều tra, khảo sát; bảo đảm được mục đích điều tra, khảo sát; phù hợp với đối tượng được hỏi.

Phiếu khảo sát do cơ quan, đơn vị hoặc cộng tác viên tiến hành điều tra, khảo sát xây dựng theo mục đích điều tra, khảo sát, được lấy ý kiến góp ý, điều tra thử để hoàn thiện trước khi cơ quan, đơn vị chủ trì điều tra, khảo sát quyết định sử dụng.

b) Cơ quan, tổ chức, đơn vị chủ trì điều tra, khảo sát tổ chức tập huấn cho người thực hiện điều tra, khảo sát về kỹ năng thu thập thông tin thông qua phiếu khảo sát.

Người thực hiện điều tra, khảo sát phát phiếu khảo sát cho người trả lời phiếu, giải thích mục đích, nội dung, yêu cầu điều tra, khảo sát để người trả lời phiếu tự lựa chọn phương án trả lời, bảo đảm khách quan, trung thực.

Trước khi thu phiếu khảo sát, người thực hiện điều tra, khảo sát kiểm tra phiếu khảo sát; trường hợp phiếu khảo sát chưa được trả lời đầy đủ, yêu cầu trả lời bổ sung;

c) Cơ quan, đơn vị chủ trì điều tra, khảo sát phân loại phiếu khảo sát theo đối tượng được hỏi, theo nhóm vấn đề, thống kê kết quả trả lời theo từng nhóm câu hỏi và nhóm đối tượng;

d) Đối chiếu kết quả trả lời của các đối tượng khác nhau về cùng nội dung để đưa ra nhận định về sự đánh giá của đối tượng được hỏi đối với nội dung được điều tra, khảo sát;

đ) Tổng hợp kết quả khảo sát.

6. Điều tra, khảo sát thông qua tọa đàm được thực hiện như sau:

a) Căn cứ kế hoạch điều tra, khảo sát, cơ quan, tổ chức, đơn vị chủ trì, phối hợp với cơ quan, tổ chức, đơn vị có liên quan tổ chức tọa đàm tại địa bàn điều tra, khảo sát để thu thập, tổng hợp thông tin, nhận xét, đánh giá về tình hình thi hành pháp luật và kiến nghị, đề xuất của các cơ quan, tổ chức, cá nhân tham dự tọa đàm;

b) Xây dựng báo cáo kết quả tọa đàm.

7. Điều tra, khảo sát thông qua phỏng vấn trực tiếp thực hiện như sau:

a) Cơ quan, tổ chức, đơn vị chủ trì điều tra, khảo sát lựa chọn, phân công và tập huấn kỹ năng phỏng vấn cho cá nhân thực hiện điều tra, khảo sát;

b) Cơ quan, tổ chức, đơn vị chủ trì điều tra, khảo sát lựa chọn cá nhân được phỏng vấn là cá nhân am hiểu về lĩnh vực điều tra, khảo sát, cá nhân chịu sự tác động trực tiếp của pháp luật trong lĩnh vực điều tra, khảo sát, người trực tiếp tổ chức thực hiện pháp luật trong lĩnh vực điều tra, khảo sát;

c) Nội dung phỏng vấn tập trung vào những vấn đề quan trọng, có ảnh hưởng lớn đến tình hình thi hành pháp luật trong lĩnh vực điều tra, khảo sát;

d) Cá nhân thực hiện điều tra, khảo sát phải chuẩn bị nội dung, câu hỏi cần trao đổi với cá nhân được phỏng vấn và ghi chép đầy đủ, trung thực nội dung cuộc phỏng vấn.

8. Trên cơ sở kết quả xử lý phiếu khảo sát, kết quả tọa đàm và phỏng vấn trực tiếp, cơ quan, đơn vị chủ trì điều tra, khảo sát tổng hợp, xây dựng dự thảo báo cáo điều tra, khảo sát. Báo cáo điều tra, khảo sát phải có nhận định, đánh giá khách quan về tình hình thi hành pháp luật trong lĩnh vực và địa bàn tiến hành điều tra, khảo sát; kiến nghị các biện pháp nâng cao hiệu quả thi hành pháp luật và hoàn thiện hệ thống pháp luật.

Cơ quan, đơn vị chủ trì điều tra, khảo sát có thể tổ chức tọa đàm, hội thảo để chia sẻ và lấy ý kiến góp ý đối với dự thảo báo cáo kết quả điều tra, khảo sát.

9. Vụ Pháp chế chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan tham mưu, giúp Bộ trưởng Bộ Quốc phòng xây dựng kế hoạch điều tra, khảo sát tình hình thi hành pháp luật theo đề xuất của các cơ quan, đơn vị hoặc theo đề nghị của cơ quan nhà nước cấp trên về từng lĩnh vực cụ thể.

10. Nội dung Kế hoạch điều tra, khảo sát tình hình thi hành pháp luật, gồm những nội dung cơ bản sau:

- a) Mục đích, yêu cầu;
- b) Nội dung điều tra, khảo sát;
- c) Thành phần;
- d) Thời gian tiến hành điều tra, khảo sát;
- đ) Công tác bảo đảm;
- e) Tổ chức thực hiện.

11. Cơ quan, đơn vị đề xuất kế hoạch điều tra, khảo sát tình hình thi hành pháp luật chủ trì, phối hợp với Vụ Pháp chế Bộ Quốc phòng và cơ quan, tổ chức, đơn vị liên quan tổ chức điều tra, khảo sát theo kế hoạch của Bộ Quốc phòng và yêu cầu của cơ quan nhà nước cấp trên về lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của cơ quan, đơn vị mình.

12. Chậm nhất sau 07 ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc việc điều tra, khảo sát, cơ quan, đơn vị chủ trì điều tra, khảo sát báo cáo kết quả về Bộ Quốc phòng, nội dung báo cáo đưa ra các nhận định, đánh giá khách quan về tình hình thi hành pháp luật trong lĩnh vực và địa bàn tiến hành điều tra, khảo sát; kiến nghị các biện pháp nâng cao hiệu quả thi hành pháp luật và hoàn thiện hệ thống pháp luật thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Quốc phòng.

Điều 15. Xử lý kết quả theo dõi tình hình thi hành pháp luật

1. Căn cứ kết quả thu thập thông tin, kết quả kiểm tra, điều tra, khảo sát tình hình thi hành pháp luật thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Quốc phòng các cơ quan, đơn vị xử lý theo thẩm quyền hoặc kiến nghị cơ quan, cá nhân có thẩm quyền xử lý kết quả theo dõi thi hành pháp luật theo các nội dung sau:

a) Ban hành kịp thời, đầy đủ các văn bản quy định chi tiết thi hành văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan nhà nước cấp trên và của cơ quan nhà nước cùng cấp có thẩm quyền;

b) Thực hiện các biện pháp nhằm nâng cao hiệu quả công tác tập huấn, phổ biến pháp luật; bảo đảm về tổ chức, biên chế, kinh phí và các điều kiện khác cho thi hành pháp luật thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Quốc phòng;

c) Kịp thời tổ chức thi hành văn bản quy phạm pháp luật thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Quốc phòng đã có hiệu lực;

d) Thực hiện các biện pháp nhằm bảo đảm tính chính xác, thống nhất trong hướng dẫn, áp dụng pháp luật thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Quốc phòng;

đ) Sửa đổi, bổ sung, ban hành mới các văn bản quy phạm pháp luật thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Quốc phòng;

e) Thực hiện các biện pháp khác nhằm nâng cao hiệu quả thi hành pháp luật và hoàn thiện hệ thống pháp luật thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Quốc phòng.

2. Bộ Quốc phòng có trách nhiệm xử lý kết quả theo dõi tình hình thi hành pháp luật thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Quốc phòng theo đề nghị của Bộ Tư pháp hoặc của Bộ, cơ quan ngang Bộ trong phạm vi ngành, lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Bộ, cơ quan ngang Bộ.

Các cơ quan, đơn vị có trách nhiệm xử lý kết quả theo dõi tình hình thi hành pháp luật thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Quốc phòng theo yêu cầu của cơ quan quản lý nhà nước theo ngành, lĩnh vực trực thuộc Bộ Quốc phòng.

Chương IV

TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC CƠ QUAN, ĐƠN VỊ VÀ CÁ NHÂN TRONG THEO DÕI TÌNH HÌNH THI HÀNH PHÁP LUẬT

Điều 16. Các cơ quan, đơn vị

1. Các cơ quan, đơn vị có chức năng giúp Bộ trưởng thực hiện công tác quản lý nhà nước theo ngành, lĩnh vực chủ trì theo dõi tình hình thi hành pháp luật trong cơ quan, đơn vị mình và ngành, lĩnh vực theo chức năng, nhiệm vụ được giao.

2. Chỉ huy cơ quan, đơn vị có chức năng giúp Bộ trưởng thực hiện công tác quản lý nhà nước theo ngành, lĩnh vực chịu trách nhiệm trước Bộ trưởng Bộ Quốc phòng, thủ trưởng cấp trên trực tiếp trong việc theo dõi tình hình thi hành pháp luật thuộc lĩnh vực cơ quan, đơn vị quản lý và trong cơ quan, đơn vị mình, cụ thể:

a) Chủ trì, phối hợp với Vụ Pháp chế và cơ quan, đơn vị liên quan thực hiện theo dõi tình hình thi hành pháp luật trong ngành, lĩnh vực được phân công;

b) Chủ trì thực hiện kế hoạch theo dõi tình hình thi hành pháp luật theo quy định tại Khoản 3 Điều 11; kế hoạch điều tra, khảo sát tình hình thi hành pháp luật theo quy định tại Điều 14; phối hợp thực hiện kiểm tra tình hình thi hành pháp luật theo quy định tại Điều 13 Thông tư này;

c) Theo dõi tình hình thi hành pháp luật trên cơ sở thông tin về tình hình thi hành pháp luật do các cơ quan, đơn vị và cá nhân cung cấp;

d) Thực hiện chế độ báo cáo về tình hình thi hành pháp luật theo quy định tại Chương V Thông tư này;

đ) Chỉ đạo Tổ chức pháp chế cơ quan, đơn vị giúp triển khai thực hiện công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật theo quy định tại Thông tư này.

3. Bộ Tư lệnh quân khu theo dõi tình hình thi hành pháp luật thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Quốc phòng ở địa phương trên địa bàn quân khu thông qua Bộ Chỉ huy quân sự cấp tỉnh thuộc quyền; tham mưu, giúp Bộ Quốc phòng trong công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Quốc phòng trên địa bàn quân khu.

4. Bộ Tư lệnh Bộ đội Biên phòng theo dõi tình hình thi hành pháp luật trong quản lý, bảo vệ biên giới quốc gia, giữ gìn an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội khu vực biên giới thông qua Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng cấp tỉnh và các cơ quan chức năng thuộc quyền; tham mưu, giúp Bộ Quốc phòng trong công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Quốc phòng.

5. Bộ Tư lệnh Cảnh sát biển theo dõi tình hình thi hành pháp luật trong quản lý về an ninh, trật tự, an toàn trên các vùng biển và thềm lục địa; tham mưu, giúp Bộ Quốc phòng trong công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Quốc phòng.

6. Ban Cơ yếu Chính phủ

a) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan theo dõi tình hình thi hành pháp luật; điều tra, khảo sát tình hình thi hành pháp luật; phối hợp thực hiện kiểm tra tình hình thi hành pháp luật trong ngành, lĩnh vực cơ yếu.

b) Tổng hợp kết quả theo dõi tình hình thi hành pháp luật trong ngành, lĩnh vực cơ yếu báo cáo Bộ trưởng Bộ Quốc phòng theo quy định tại Chương V Thông tư này.

Điều 17. Vụ Pháp chế Bộ Quốc phòng

Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị tham mưu, giúp Bộ trưởng thực hiện công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Quốc phòng cụ thể:

1. Tham mưu, giúp Bộ trưởng Bộ Quốc phòng chỉ đạo các cơ quan, đơn vị thực hiện công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Quốc phòng.
2. Hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra các cơ quan, đơn vị thực hiện công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật trong Bộ Quốc phòng.
3. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị xây dựng kế hoạch và tiến hành điều tra, khảo sát, kiểm tra tình hình thi hành pháp luật trong Bộ Quốc phòng.
4. Tiếp nhận, tổng hợp, đánh giá và xử lý các thông tin về tình hình thi hành pháp luật do các cơ quan, đơn vị và cá nhân cung cấp.
5. Phối hợp với các cơ quan, đơn vị thực hiện công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật đối với ngành, lĩnh vực cơ quan, đơn vị được Bộ Quốc phòng phân công phụ trách.
6. Tổ chức tập huấn, bồi dưỡng kỹ năng nghiệp vụ thực hiện công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật đối với các cơ quan, đơn vị.
7. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị, xây dựng Báo cáo tình hình thi hành pháp luật thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Quốc phòng báo cáo Bộ trưởng Bộ Quốc phòng và gửi Bộ Tư pháp tổng hợp báo cáo Chính phủ theo quy định.

Điều 18. Tổ chức pháp chế, cán bộ pháp chế cơ quan, đơn vị

1. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị tham mưu, giúp Thủ trưởng cơ quan, đơn vị thực hiện công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật thuộc phạm vi chức năng, nhiệm vụ được giao.
2. Hướng dẫn, đôn đốc các cơ quan, đơn vị thực hiện công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật trong cơ quan, đơn vị.
3. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị xây dựng kế hoạch và tiến hành điều tra, khảo sát, kiểm tra tình hình thi hành pháp luật của cơ quan, đơn vị.
4. Tiếp nhận, tổng hợp, đánh giá và xử lý các thông tin về tình hình thi hành pháp luật do các cơ quan, đơn vị và cá nhân cung cấp.
5. Phối hợp với các cơ quan, đơn vị thực hiện công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật đối với ngành, lĩnh vực được Bộ Quốc phòng phân công phụ trách.
6. Tổ chức tập huấn, bồi dưỡng kỹ năng nghiệp vụ thực hiện công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật đối với các cơ quan, đơn vị.

7. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị, xây dựng Báo cáo tình hình thi hành pháp luật thuộc phạm vi chức năng, nhiệm vụ được giao của cơ quan, đơn vị mình, báo cáo theo quy định.

Điều 19. Cơ quan quân sự các cấp

1. Ban Chỉ huy quân sự các Bộ, ngành, cơ quan, tổ chức ở Trung ương có trách nhiệm theo dõi, xem xét, đánh giá tình hình thi hành pháp luật thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Quốc phòng báo cáo về Bộ Quốc phòng để tổng hợp, báo cáo Chính phủ theo quy định.

2. Bộ Chỉ huy quân sự cấp tỉnh chịu trách nhiệm theo dõi tình hình thi hành pháp luật thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Quốc phòng ở địa phương; phối hợp với Sở Tư pháp, tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trong việc thực hiện công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Quốc phòng; tham mưu giúp Bộ Tư lệnh Quân khu trong công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Quốc phòng trên địa bàn quản lý.

3. Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng cấp tỉnh chịu trách nhiệm theo dõi tình hình thi hành pháp luật liên quan đến chức năng, nhiệm vụ quản lý, bảo vệ biên giới quốc gia, giữ gìn an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội khu vực biên giới; phối hợp với Sở Tư pháp tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và Bộ Tư lệnh Bộ đội biên phòng trong việc thực hiện công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Quốc phòng trên địa bàn quản lý.

4. Bộ Chỉ huy quân sự, Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng cấp tỉnh phân công Tổ chức pháp chế, cán bộ làm công tác pháp chế triển khai thực hiện công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật tại đơn vị mình; chủ trì, phối hợp với các đầu mối liên quan tham mưu, giúp Thủ trưởng đơn vị thực hiện công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật trong lĩnh vực quản lý của đơn vị mình theo quy định tại Thông tư này; báo cáo về Bộ Tư lệnh Quân khu, Bộ Tư lệnh Bộ đội Biên phòng và Sở Tư pháp để tổng hợp báo theo quy định.

Chương V

BÁO CÁO VỀ TÌNH HÌNH THI HÀNH PHÁP LUẬT

Điều 20. Báo cáo định kỳ hàng năm

1. Bộ Quốc phòng báo cáo tình hình thi hành pháp luật về lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Quốc phòng gửi Bộ Tư pháp tổng hợp báo cáo Chính phủ trước ngày 15 tháng 10 hàng năm.

2. Các cơ quan, đơn vị báo cáo tình hình thi hành pháp luật trong ngành, lĩnh vực được phân công phụ trách và tình hình thi hành pháp luật của cơ quan,

đơn vị mình về Bộ Quốc phòng (qua Vụ Pháp chế Bộ Quốc phòng) để tổng hợp báo cáo Bộ trưởng trước ngày 05 tháng 10 hàng năm.

3. Nội dung báo cáo định kỳ hàng năm về tình hình thi hành pháp luật của các cơ quan, đơn vị được xây dựng trên cơ sở thực hiện các nội dung quy định tại Điều 6, 7, 8, 9, 10 và theo mẫu Báo cáo ban hành kèm theo Thông tư này.

4. Niên hạn báo cáo năm được tính từ ngày 01 tháng 10 của năm trước đến ngày 30 tháng 9 của năm thực hiện báo cáo.

Điều 21. Báo cáo chuyên đề

Căn cứ Chương trình công tác và Kế hoạch giám sát của Quốc hội; Chương trình công tác trọng tâm của Chính phủ; định hướng của Bộ Tư pháp và thực tiễn thi hành pháp luật, Bộ Quốc phòng xác định một số lĩnh vực trọng tâm, trọng điểm để các cơ quan, đơn vị xây dựng báo cáo về tình hình thi hành pháp luật theo chuyên đề.

Điều 22. Báo cáo đột xuất

Cơ quan, đơn vị thực hiện việc báo cáo đột xuất tình hình thi hành pháp luật trong các trường hợp sau đây:

1. Theo yêu cầu của Bộ Quốc phòng.
2. Khi phát hiện những vướng mắc, bất cập của các quy định pháp luật hoặc thấy cần thiết phải áp dụng một số biện pháp nhằm kịp thời ngăn chặn những thiệt hại có thể xảy ra.

Chương VI ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 23. Kinh phí thực hiện

Kinh phí thực hiện công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật của các cơ quan, đơn vị được bảo đảm trong dự toán kinh phí hàng năm của cơ quan, đơn vị và các khoản kinh phí khác được nhà nước và Bộ Quốc phòng cấp cho các hoạt động công tác pháp chế.

Hàng năm, các cơ quan, đơn vị căn cứ vào khối lượng công việc thuộc chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình, lập dự toán kinh phí thực hiện công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật vào dự toán chung của cơ quan, đơn vị và quản lý, sử dụng, thanh quyết toán theo quy định hiện hành của Nhà nước và Bộ Quốc phòng.

Điều 24. Hiệu lực thi hành

Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 26 tháng 01 năm 2015.

Điều 25. Trách nhiệm thi hành

1. Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, Vụ trưởng Vụ Pháp chế Bộ Quốc phòng và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này.

2. Vụ trưởng Vụ Pháp chế Bộ Quốc phòng chịu trách nhiệm kiểm tra, đôn đốc và tổ chức triển khai thực hiện Thông tư này.

3. Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc đề nghị các cơ quan, đơn vị phản ánh về Bộ Quốc phòng (qua Vụ Pháp chế) để nghiên cứu, giải quyết. /.

Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ;
- Các Thứ trưởng, CNTCCT;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ;
- Các cơ quan, đơn vị trực thuộc Bộ;
- Ban Cơ yếu Chính phủ;
- Tòa án quân sự Trung ương;
- Cục Kiểm tra văn bản/BTP;
- Công báo; Cổng TTĐT Chính phủ;
- Cổng Thông tin điện tử BQP;
- Vụ Pháp chế BQP;
- Chánh Văn phòng, NCTH, THBD;
- Lưu: VT; PC; L. Th



Thượng tướng Nguyễn Thành Cung

www.LuatVietnam.vn

Mẫu Báo cáo tình hình thi hành pháp luật
(Ban hành kèm theo Thông tư số 169 /2014/TT-BQP ngày 11 tháng 12 năm
2014 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng)

CQ, ĐV CẤP TRÊN TRỰC TIẾP CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÊN CƠ QUAN, ĐƠN VỊ **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: /BC-....., ngày....tháng.....năm.....

BÁO CÁO
Tình hình thi hành pháp luật của.....

I. TÌNH HÌNH TRIỂN KHAI CÔNG TÁC THEO DÕI THI HÀNH PHÁP LUẬT

1. Các hoạt động theo dõi thi hành pháp luật đã được thực hiện (các lĩnh vực tiến hành kiểm tra, điều tra, khảo sát; phạm vi, phương pháp kiểm tra, điều tra, khảo sát).

2. Hoạt động thu thập, xử lý thông tin về tình hình thi hành pháp luật (Nguồn thông tin tiếp nhận; công tác xử lý, phân tích và đánh giá thông tin)

II. TÌNH HÌNH THI HÀNH PHÁP LUẬT

1. Tình hình ban hành văn bản quy định chi tiết thi hành văn bản quy phạm pháp luật

a) Số lượng, hình thức và tên văn bản quy định chi tiết thi hành văn bản quy phạm pháp luật; Số lượng, hình thức và tên văn bản ban hành chậm tiến độ và lý do chậm tiến độ; Số lượng, hình thức và tên văn bản có nội dung không thống nhất, không đồng bộ và tính khả thi không cao.

b) Các quy định cần được quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành.

2. Tình hình bảo đảm các điều kiện cho thi hành pháp luật

a) Tình hình thực hiện công tác phổ biến, tập huấn pháp luật (các nội dung hình thức phổ biến, tập huấn đã thực hiện, các đối tượng được phổ biến, tập huấn). Đánh giá về tính kịp thời, đầy đủ, phù hợp và hiệu quả của hoạt động tập huấn, phổ biến pháp luật.

b) Thực trạng về tổ chức bộ máy và nguồn nhân lực bảo đảm cho công tác thi hành pháp luật. Đánh giá về tính phù hợp của tổ chức bộ máy; mức độ đáp ứng về nguồn nhân lực so với yêu cầu của công tác thi hành pháp luật.

c) Thực trạng bảo đảm về kinh phí, trang thiết bị và cơ sở vật chất cho thi hành pháp luật. Đánh giá về mức độ đáp ứng về kinh phí, cơ sở vật chất bảo đảm cho thi hành pháp luật.

3. Tình hình tuân thủ pháp luật

a) Tình hình thi hành pháp luật của cơ quan, đơn vị và người có thẩm quyền (các quy định không được các cơ quan, đơn vị và người có thẩm quyền thi hành một cách kịp thời, đầy đủ).

b) Tình hình hướng dẫn áp dụng pháp luật, tình hình áp dụng pháp luật của các cơ quan, đơn vị và người có thẩm quyền (các quy định do các cơ quan, đơn vị và người có thẩm quyền hướng dẫn áp dụng không chính xác, không thống nhất; các vụ việc cụ thể do các cơ quan, đơn vị và người có thẩm quyền áp dụng không chính xác, không thống nhất).

c) Tình hình tuân thủ pháp luật của cơ quan, đơn vị và cá nhân

- Tình hình phát hiện, xử lý các vi phạm pháp luật (thông qua kết quả hoạt động áp dụng pháp luật của các cơ quan, đơn vị và người có thẩm quyền, nêu cụ thể số lượng các vi phạm pháp luật đã được phát hiện, xử lý, gồm cả vi phạm pháp luật hình sự, hành chính, v.v...; số lượng các vi phạm pháp luật đã được phát hiện nhưng chưa được xử lý).

- Các vi phạm pháp luật phổ biến (nêu cụ thể các quy định của pháp luật có nhiều vi phạm, đồng thời lưu ý về các loại vi phạm mới nổi lên trong từng thời kỳ).

- Đánh giá nguyên nhân của tình hình vi phạm pháp luật, tình hình xử lý vi phạm pháp luật (nguyên nhân do bất cập của pháp luật về nội dung, hình thức, về trình tự, thủ tục; do nhận thức và ý thức tuân thủ pháp luật của đối tượng thi hành; do công tác tổ chức thi hành pháp luật; do các điều kiện bảo đảm như: nguồn nhân lực; kinh phí; do công tác đôn đốc, kiểm tra, thanh tra, xử lý vi phạm và các nguyên nhân khác).

III. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

1. Ban hành kịp thời, đầy đủ các văn bản quy định chi tiết thi hành văn bản quy phạm pháp luật.

2. Thực hiện các biện pháp nhằm nâng cao hiệu quả công tác tập huấn, phổ biến pháp luật; bảo đảm về tổ chức, biên chế, kinh phí và các điều kiện khác cho thi hành pháp luật.

3. Kịp thời tổ chức thi hành văn bản quy phạm pháp luật đã có hiệu lực.

4. Thực hiện các biện pháp nhằm bảo đảm tính chính xác, thống nhất trong hướng dẫn áp dụng pháp luật và trong áp dụng pháp luật.

5. Sửa đổi, bổ sung, ban hành mới các văn bản quy phạm pháp luật.

6. Thực hiện các biện pháp nhằm nâng cao hiệu quả thi hành pháp luật và hoàn thiện hệ thống pháp luật thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Quốc phòng./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT, ...;

**THỦ TRƯỞNG
CƠ QUAN, ĐƠN VỊ**

(Ký tên, đóng dấu)

Cấp bậc, họ và tên

Một số lưu ý: Báo cáo chuyên đề được thực hiện theo mẫu báo cáo trên; Báo cáo đột xuất thực hiện theo yêu cầu cụ thể.